

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 84/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 8 - 2022

V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;

2. Ông Nguyễn Minh Trí.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:
Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 320/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà N M N, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 38, Ấp Đ A, xã Đ T, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang, *có mặt.*

2. *Bị đơn:* Ông N V H, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 782, Đường H V L, phường P M, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, *có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi và ông H quen biết, thương yêu rồi tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân M H, thị xã B M, tỉnh Vĩnh Long vào năm 2017. Hôn nhân giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện.

Những năm gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Mặc dù hai bên có gắng hòa giải nhưng không thành. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy tôi ra ngoài sinh sống và vợ chồng cũng ly thân được hơn hai năm. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy tôi đề nghị tòa án giải quyết ly hôn.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống chúng tôi có 02 (hai) con chung N T C, sinh ngày 02/6/2017 và N H Y, sinh ngày 21/9/2020. Từ khi vợ chồng ly thân một mình tôi chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Ông H không quan tâm chăm sóc cũng như không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay các con chung vẫn đang do tôi trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Các cháu sức khỏe tốt và học tập hình thường. Tôi có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cả hai con sau ly hôn. Vì vậy tôi đề nghị Tòa án xem xét cho nuôi dưỡng cả 02 con chung sau ly hôn. Tôi tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn ông N V H trình bày*: Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về thời điểm sống chung và đăng ký kết hôn.

- *Về mâu thuẫn vợ chồng*: Vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ tôi mang theo 02 con nhỏ bỏ ra ngoài sinh sống 02 năm nay. Vợ chồng đã ly thân không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Thống nhất theo lời trình của vợ tôi về con chung. Khi ly thân vợ tôi mang theo hai con con chung bỏ ra ngoài sinh sống. Vì không có điều kiện gần con cái nên tôi không thể thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tôi thừa nhận thời gian vợ chồng ly thân một mình vợ chăm sóc nuôi con. Hiện sức khỏe và việc học tập của các cháu bình thường. Tuy nhiên khi ly hôn tôi yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu N T C. Cháu N H Y còn nhỏ nên để vợ tôi nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo tố tụng và việc giải quyết vụ án*:

- *Về tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật về người tiến hành tố tụng. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục xét xử theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng xét xử theo quy định pháp luật. Viện Kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về ly hôn và tranh chấp nuôi con. Thời điểm khởi kiện bị đơn cư trú tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất về việc quen biết, thương yêu rồi tự nguyện tiến đến hôn nhân và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân M H, thị xã B M, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28, ngày 06/3/2017. Hôn nhân giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa các bên là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- *Về mâu thuẫn vợ chồng*: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất về mâu thuẫn vợ chồng. Do chung sống cùng bên gia đình vợ nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong thời gian dài. Mặc dù các bên, cũng như gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không được. Do mâu thuẫn trầm trọng nên nguyên đơn đã chuyển đi nơi khác sinh sống, vợ chồng cũng ly thân được khoảng hai năm. Tại phiên tòa các bên đề nghị được ly hôn.

Như vậy có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng các bên không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] *Về con chung*: Các bên thống nhất về con chung, quá trình chăm sóc và tình trạng sức khỏe, học tập của các con chung từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Hiện tại các con chung đang được nguyên đơn trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Bị đơn yêu cầu mỗi bên trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc một con chung sau ly hôn. Nhưng thừa nhận từ khi ly thân bị đơn không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, chăm sóc con chung. Để đảm bảo sự ổn định cũng như sự phát triển toàn diện của con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao các con chung cho nguyên đơn tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

[3.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các bên không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] *Xét ý kiến của Kiểm sát viên*: Quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] *Về án phí sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 235, Khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N M N đối với bị đơn ông N V H về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N M N được ly hôn với ông N V H.
- Về con chung: Giao bà N M N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung 02 (hai) con chung N T C, sinh ngày 02/6/2017 và N H Y. sinh ngày 21/9/2020. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các bên đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông, bà thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà N M N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001649 ngày 18/7/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một;
- Ủy ban nhân dân M H, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long ;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Quý